

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG ACC

Số: 14/2020/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 29 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3567.200

Fax: 0274.3567.201

Người thực hiện CBTT: Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân** Chức vụ: **Người được UQCBTT**

Loại thông tin công bố: 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính Công ty mẹ ACC và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/04/2020 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

V/v: “ Giải trình biến động lợi nhuận quý

1 năm 2020”

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

- Tên cơ sở kinh doanh: **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC.**
- Địa chỉ: **Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P.Mỹ Phước, TX.Bến Cát, T.Bình Dương.**
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: **3700926112, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 10/5/2019.**
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**
 - ✓ **Xây dựng công trình công ích chi tiết:** Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
 - ✓ **Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao chi tiết:** Sản xuất cốt bê tông cốt thép các loại; Sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; Sản xuất bê tông xi măng các loại; Sản xuất cấu kiện đúc sẵn; Sản xuất gạch không nung.
 - ✓ **Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết:** mua bán cốt bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại; Cấu kiện đúc sẵn; Các loại vật liệu xây dựng; Các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí.
 - ✓ **Xây dựng nhà các loại chi tiết:** Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.
 - ✓ **Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ chi tiết:** Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
 - ✓ **Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí chi tiết:** Thi công đặt hệ thống cấp, thoát nước, và điều hoà không khí; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
 - ✓ **Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết:** cho thuê xe máy, thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện.
 - ✓ **Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại chi tiết:** Gia công cơ khí (trừ xi mạ, tráng phủ kim loại).
 - ✓ **Sản xuất các cấu kiện kim loại chi tiết:** Sản xuất các cấu kiện kim loại;



- ✓ Chuẩn bị mặt bằng chi tiết: San lấp mặt bằng;
- ✓ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết: Xây dựng nền móng; Đóng cọc, ép cọc;
- ✓ Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu lắp;
- ✓ Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá chi tiết: Cắt và hoàn thiện đá xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết: mua bán hoá chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hoá chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Mua bán mặt hàng trang trí nội thất

- Mã số thuế: 3700926112.

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC, ngày 6 tháng 10 năm 2015, hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020, Công ty cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Bình Dương ACC xin giải trình việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2020 so với quý 1 năm 2019 như sau:

- Khối lượng thi công của một số các công trình còn đang thi công dở dang chưa nghiệm thu được.
- Doanh thu cung cấp các loại thành phẩm giảm so với quý 1 năm 2019.
- Chi phí tài chính tăng cao so với quý 1 năm 2019.

Vi vậy doanh thu và lợi nhuận đều giảm so với quý 1 năm 2019. Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2020 so với quý 1 năm 2019.

Trân trọng!

Bình Dương, ngày 27 tháng 4 năm 2020
Công Ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Bình Dương ACC



Võ Thành Tài



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG ACC
MÃ CHỨNG KHOÁN: ACC**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

TRỤ SỞ CHÍNH:

- Trụ sở: Lô D_3_CN, Đường N7 – KCN Mỹ Phước – phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát – tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 0274.3567200
- Fax : 0274.3567201
- Email : becamexacc@gmail.com
- Website : www.becamexacc.com.vn

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ Năm tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10 - 36
6. Phụ lục	37 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		437.454.698.491	382.208.546.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	72.428.076.596	132.036.290.477
1. Tiền	111		41.428.076.596	128.036.290.477
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.000.000.000	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		265.217.733.548	170.081.434.184
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	164.287.819.120	168.502.712.228
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	99.128.181.581	1.321.965.868
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	2.398.847.321	853.870.562
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(597.114.474)	(597.114.474)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	97.374.056.641	78.330.279.824
1. Hàng tồn kho	141		97.435.423.980	78.391.647.163
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(61.367.339)	(61.367.339)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.434.831.706	1.760.542.239
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.948.147.913	1.701.678.569
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	486.683.793	58.863.670
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		118.848.682.162	114.811.469.086
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.011.263.927	2.043.572.400
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.011.263.927	2.043.572.400
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		75.213.932.265	72.938.053.180
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	24.113.825.311	21.055.509.032
- Nguyên giá	222		179.881.440.230	175.135.235.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.767.614.919)	(154.079.726.786)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	51.100.106.954	51.882.544.148
- Nguyên giá	228		57.616.069.334	57.616.069.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.515.962.380)	(5.733.525.186)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	8.583.892.372	8.583.892.372
- Nguyên giá	231		8.583.892.372	8.583.892.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	291.895.894
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	291.895.894
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		26.530.387.997	26.530.387.997
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	26.547.500.000	26.547.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	(197.112.003)	(197.112.003)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		180.000.000	180.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.509.205.601	4.423.667.243
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.707.105.196	3.621.566.838
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	802.100.405	802.100.405
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		556.303.380.653	497.020.015.810

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		299.783.954.265	248.437.176.308
I. Nợ ngắn hạn	310		253.136.293.533	202.757.207.103
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	75.141.120.799	82.602.797.634
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.141.758.913	1.099.593.825
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.928.681.699	11.354.770.432
4. Phải trả người lao động	314	V.16	3.283.816.319	5.148.087.135
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	9.145.429.847	8.851.044.558
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.697.333.999	2.661.912.760
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	155.530.742.446	85.807.837.103
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20a	53.449.316	53.449.316
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.213.960.195	5.177.714.340
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		46.647.660.732	45.679.969.205
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		32.946.001.502	32.946.001.502
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		326.114.941	326.114.941
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20b	13.375.544.289	12.407.852.762
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		256.519.426.388	248.582.839.502
I. Vốn chủ sở hữu	410		256.519.426.388	248.582.839.502
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	1.527.143.181	1.527.143.181
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22	9.055.511.950	9.055.511.950
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	61.147.235.261	61.147.235.261
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	56.333.907.430	48.699.668.994
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.699.668.993	16.521.225.332
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.634.238.437	32.178.443.662
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	28.455.628.566	28.153.280.116
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		556.303.380.653	497.020.015.810

Bình Dương, ngày 27 tháng 04 năm 2020


Văn Thị Anh Đào
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thúy Vân
 Kế toán trưởng




Võ Thành Tài
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	91.216.268.182	116.116.649.006	91.216.268.182	116.116.649.006
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	24.591.400	-	24.591.400	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.191.676.782	116.116.649.006 #	91.191.676.782	116.116.649.006
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	69.438.526.563	93.880.410.205	69.438.526.563	93.880.410.205
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.753.150.219	22.236.238.801	21.753.150.219	22.236.238.801
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	68.323.972	695.952.722	68.323.972	695.952.722
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.011.842.756	234.610.145	2.011.842.756	234.610.145
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.011.842.756	234.610.145	2.011.842.756	234.610.145
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	3.733.457.927	3.630.361.818	3.733.457.927	3.630.361.818
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6.274.049.010	6.003.828.002	6.274.049.010	6.003.828.002
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.802.124.498	13.063.391.558	9.802.124.498	13.063.391.558
12. Thu nhập khác	31	VI.8	188.687.774	59.587.809	188.687.774	59.587.809
13. Chi phí khác	32	VI.9	72.662.970	56.981.081	72.662.970	56.981.081
14. Lợi nhuận khác	40		116.024.804	2.606.728	116.024.804	2.606.728
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.918.149.302	13.065.998.286	9.918.149.302	13.065.998.286
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	1.981.562.416	2.722.666.840	1.981.562.416	2.722.666.840
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	-	-	-	-


18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	7.936.586.886	10.343.331.446	7.936.586.886	10.343.331.446
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	7.634.238.437	9.738.798.966	7.634.238.437	9.738.798.966
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	302.348.449	604.532.480	302.348.449	604.532.480
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	823	763	823
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	823	763	823


Văn Thị Anh Đào
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thúy Vân
 Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 27 tháng 04 năm 2020


Võ Thành Tài
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

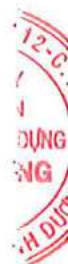
(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.918.149.302	13.065.998.286
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	2.470.325.327	2.069.345.071
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.6, V.11, V.20	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(68.323.972)	(541.466.057)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	2.011.842.756	234.610.145
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.331.993.413	14.828.487.445
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(82.000.680.509)	(17.141.894.523)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.034.331.295)	27.583.727.933
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.069.556.029)	(30.892.047.030)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.332.007.702)	140.441.669
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(2.011.842.756)	(234.610.145)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(4.771.331.934)	(1.829.590.385)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(4.765.481.972)	(4.468.636.887)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(124.653.238.784)	(12.014.121.923)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.10, VII	(4.746.204.412)	(8.900.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8, VI.8	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	68.323.972	541.466.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.677.880.440)	532.566.057



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.22	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	82.705.830.549	11.660.600.672
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(12.982.925.206)	(5.266.477.218)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18, V.22	-	(8.880.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		69.722.905.343	6.385.243.454
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(59.608.213.881)	(5.096.312.412)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	132.036.290.477	55.112.123.768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	72.428.076.596	50.015.811.356

Bình Dương, ngày 27 tháng 04 năm 2020



Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng



Võ Thành Tài
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Bình Dương ACC được đổi tên từ Công ty cổ phần Bê tông Becamex theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 6 ngày 10/05/2019 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Khai thác khoáng sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	Khai thác khoáng sản	74,66%	74,66%	74,66%	74,66%
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 328 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 328 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí bản quyền phần mềm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí phần mềm diệt virus Kaspersky được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 14
Máy móc và thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 08
Tài sản cố định hữu hình khác	06 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền khai thác khoáng sản

Nguyên giá ban đầu của quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã xây dựng được phép khai thác từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến thời hạn theo giấy phép (có thể được điều chỉnh sản lượng theo thực tế hoặc gia hạn thời gian giấy phép). Chi phí này được khấu hao theo sản lượng khai thác thực tế trong kỳ.

Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá

Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá,... để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí này được khấu hao theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (42 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng như sau:

<u>Loại phần mềm máy tính</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

Chi phí thiết kế sản phẩm

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 đến 08 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn bao gồm:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05 % trên giá trị công trình thi công có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường

Dự phòng cho việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản.

Khoản dự phòng này được trích theo số tiền ký quỹ mà Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương đã thông báo, chi phí này được trích theo phương pháp đường thẳng suốt thời gian khai thác của Công ty. Khi cải tạo, phục hồi môi trường xong, khoản dự phòng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	780.116.622	1.365.767.275
Tiền gửi ngân hàng	40.647.959.974	126.670.523.202
Các khoản tương đương tiền	31.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	<u>72.428.076.596</u>	<u>132.036.290.477</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	41.562.393.261	31.401.608.261
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>122.189.102.485</i>	
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	83.982.753.018	60.696.635.399
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	21.322.877.899	33.029.633.994
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	1.713.952.812	8.093.109.652
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	12.583.739.454	26.719.443.645
<i>Các khách hàng khác</i>		<i>8.562.281.277</i>
Cộng	<u>16.428.781.9120</u>	<u>168.502.712.228</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	99.128.181.581	1.321.965.868
Tổng công ty Đầu Tư & Phát Triển Công Nghiệp-CTCP	21.384.077.883	
Công ty Cổ Phần kinh doanh BĐS & XD Nguyên Việt	76.567.458.041	
Công ty TNHH Xây Dựng Trần Lê	240.000.000	
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tihana	231.000.000	231.000.000
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng Thanh Bình	334.532.877	438.981.309
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng Hoàng Gia	150.829.470	268.868.160
Các khách hàng khác	220.283.310	383.116.399
Cộng	99.128.181.581	1.321.965.868

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác (10%)</i>	2.398.847.321		853.870.562	
Phải thu lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	462.499.337	-	462.499.337	-
Phải thu tiền BHYT, thuế TNCN	477.360			
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	62.000.000	-	62.000.000	-
Tạm ứng	1.858.520.988	-	314.763.006	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.349.636	-	14.608.219	-
Cộng	2.398.847.321		853.870.562	

4b. Phải thu dài hạn khác

Tiền ký quỹ phục hồi môi trường, đất đai sau khi hết thời gian khai thác.

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tân Hùng Phát – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	173.194.526	-	Trên 03 năm	173.194.526	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Lộc Hoàng Gia – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	95.089.291	-	Trên 03 năm	95.089.291	-
Công ty TNHH	Trên 03 năm	189.298.335	-	Trên 03 năm	189.298.335	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị có thể thu hồi
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long – Phải thu tiền bán hàng Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy Lợi Bình Dương - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	110.283.495	Trên 02 - 03 năm	110.283.495	
Phải thu các tổ chức khác	Trên 03 năm	29.248.828	Trên 03 năm	29.248.828	-
Cộng		597.114.475		597.114.475	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	597.114.475	597.114.475
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	-	-
Số cuối năm	597.114.475	597.114.475

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.167.400.157		11.456.643.826	-
Công cụ, dụng cụ	408.974.193		490.063.530	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	69.739.065.745		50.403.718.040	-
Thành phẩm	12.221.170.450	(61.367.339)	16.009.912.941	(61.367.339)
Hàng hóa	5.311.221.438		31.308.826	-
Hàng gửi đi bán	3.692.797			-
Hàng mua đang đi trên đường	583.899.200			
Cộng	97.435.423.980	(61.367.339)	78.391.647.163	(61.367.339)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ và PTTT	1.435.910.272	1.511.356.976
Chi phí dịch vụ	274.901.680	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	237.335.961	190.321.593
Cộng	1.948.147.913	1.701.678.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	904.259.456	304.281.274
Chi phí sửa chữa tài sản	191.107.208	557.467.547
Chi phí bản quyền phần mềm	26.671.000	36.672.625
Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá	2.033.524.840	2.066.861.314
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.551.542.692	656.284.078
Cộng	4.707.105.196	3.621.566.838

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	24.065.169.058	105.640.227.956	44.077.058.465	1.009.014.158	343.766.181	175.135.235.818
Mua trong năm	-	2.318.181.818	1.985.337.155			4.303.518.973
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	442.685.439				442.685.439
Thanh lý, nhượng bán	-					
Số cuối năm	24.065.169.058	108.401.095.213	46.062.395.620	1.009.014.158	343.766.181	179.881.440.230
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.745.382.740	79.854.193.489	25.384.848.212	633.413.249	213.572.572	111.831.410.262
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	20.859.078.353	96.140.266.381	35.889.796.631	880.143.605	310.441.816	154.079.726.786
Khấu hao trong năm	350.958.330	702.118.020	612.443.003	18.163.668	4.205.112	1.687.888.133
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	21.210.036.683	96.842.384.401	36.502.239.634	898.307.273	314.646.928	155.767.614.919
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.206.090.705	9.499.961.575	8.187.261.834	128.870.553	33.324.365	21.055.509.032
Số cuối năm	2.855.132.375	11.558.710.812	9.560.155.986	110.706.885	110.706.885	24.113.825.311
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.713.320.948 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Chi phí thiết kế sản phẩm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	43.928.002.004	-	11.769.135.713	863.859.800	1.055.071.817	57.616.069.334
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>43.928.002.004</u>	-	<u>11.769.135.713</u>	<u>863.859.800</u>	<u>1.055.071.817</u>	<u>57.616.069.334</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.208.744.438	-	-	619.359.800	542.840.908	11.193.127.047
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.118.444.937	-	3.005.666.457	787.583.410	821.830.382	5.733.525.186
Khấu hao trong năm	680.587.264	-	61.714.572	6.772.898	33.362.460	782.437.194
Số cuối năm	<u>1.799.032.201</u>	-	<u>306.7381.029</u>	<u>794.356.308</u>	<u>855.192.842</u>	<u>6.515.962.380</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>42.809.557.067</u>	-	<u>8.763.469.256</u>	<u>76.276.390</u>	<u>233.241.435</u>	<u>51.882.544.148</u>
Số cuối năm	<u>42.128.969.803</u>	-	<u>8.701.754.684</u>	<u>69.503.492</u>	<u>199.878.975</u>	<u>51.100.106.954</u>
Trong đó:						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tập đoàn chỉ bao gồm 03 căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc dự án Uni Town tọa lạc tại Khu 3, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

11. Đầu tư tài chính dài hạn

11a. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước ⁽ⁱ⁾	24.900.000.000	-	24.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	1.647.500.000	(197.112.003)	1.647.500.000	(197.112.003)
Cộng	26.547.500.000	(197.112.003)	26.547.500.000	(197.112.003)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 thay đổi lần thứ sáu ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước 24.900.000.000 VND, tương đương 12,45% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700509408 thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương 1.647.500.000 VND, tương đương 10,98% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	197.112.003
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	-
Số cuối năm	<u>197.112.003</u>

11b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành:****Thông tin chi tiết về trái phiếu:**

Thời điểm phát hành:	27/09/2019;
Kỳ hạn gốc:	120 tháng;
Kỳ hạn còn lại:	114 tháng;
Số lượng trái phiếu:	18 trái phiếu;
Mệnh giá:	10.000.000 VND;
Lãi suất:	Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm;
Phương thức nhận lãi:	Định kỳ 01 năm/lần.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Miền Đông AHP		
Mua nguyên vật liệu	1.124.535.970	352.006.054
Cung cấp hàng hóa dịch vụ	7.818.967.861	-
Cổ tức được chia	-	-
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình		
Cung cấp dịch vụ	-	-
Mua nguyên vật liệu	692.724.600	10.158.750

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường (ADCO)	11.213.383.500	11.817.910.500
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Quốc Tế (ICT)	7.924.286.700	6.450.846.400
Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	-	1.568.895.861
Công Ty TNHH TM DV Vận Tải Mai Thành	8.523.314.803	9.239.649.996
Hợp tác xã Anh Hào	2.289.548.429	3.308.053.287
Các nhà cung cấp khác	45.190.587.367	50.217.441.590
Cộng	<u>75.141.120.799</u>	<u>82.602.797.634</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		1.099.593.825
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng Hoàng Gia Phúc	99.074.580	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng Hoàng Gia Phúc	239.720.140	-
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Ngọc Điền	-	85.570.811
Công ty TNHH Sản Xuất Cơ Khí và Xây Dựng Hồng Hà	160.204.520	299.600.920
Công Ty TNHH Thiết Kế Và Đầu Tư Trọng Anh	191.424.448	98.701.020
Công ty TNHH MTV Đại Minh Thành	85.814.080	
Các khách hàng khác	365.521.145	615.721.074
Cộng	<u>1.141.758.913</u>	<u>1.099.593.825</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
				<u>nộp</u>		
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.669.922.265	-	2.474.356.575	(6.429.491.043)	1.142.607.920	427.820.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.605.723.381	58.863.670	1.981.562.416	(4.771.331.934)	1.815.953.863	58.863.670
Thuế thu nhập cá nhân	74.194.881	-	169.254.211	(181.886.235)	61.562.857	
Thuế tài nguyên	1.849.299.275	-	1.059.283.878	(1.132.233.225)	1.776.349.928	
Tiền thuê đất	-	-				
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	155.630.630	-	216.894.179	(240.317.678)	132.207.131	
Cộng	<u>11.354.770.432</u>	<u>58.863.670</u>	<u>5.904.351.259</u>	<u>(12.758.260.115)</u>	<u>4.928.681.699</u>	<u>48.6683.793</u>

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây Dựng Bình Dương ACC	1.687.350.142	1.915.817.248
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	294.212.274	806.849.592
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	-	-
Cộng	<u>1.981.562.416</u>	<u>2.722.666.840</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Theo Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên của Bộ Tài chính, sản lượng và giá tính thuế tài nguyên được xác định như sau:

- Sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định theo sản lượng từng loại tài nguyên có cùng cấp độ, chất lượng, giá trị thương mại như nhau hoặc quy ra sản lượng của loại tài nguyên có sản lượng bán ra lớn nhất để làm căn cứ xác định sản lượng tính thuế cho toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác trong kỳ.
- Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên có cùng phẩm cấp, chất lượng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được áp dụng cho toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác trong tháng.

Hiện tại, Các công ty trong Tập đoàn đang tạm tính và kê khai thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá, sỏi như sau:

- Sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định theo sản lượng từng loại tài nguyên có cùng cấp độ, chất lượng, giá trị thương mại như nhau. Đơn vị sản lượng tài nguyên tính thuế được công ty áp dụng là khối lượng m³ đá nguyên khối.
- Giá tính thuế tài nguyên: áp dụng đơn giá cao hơn giữa đơn giá tính thuế của UBND tỉnh Bình Dương quy định theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2018 và đơn giá bán bình quân trong tháng.

Các công ty trong Tập đoàn đang xúc tiến làm việc với Cơ quan thuế để thống nhất phương pháp tính thuế tài nguyên phù hợp với thực tế của đơn vị mình và qui định hiện hành. Vì vậy, số thuế tài nguyên được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi sau khi các công ty trong Tập đoàn thống nhất với Cơ quan thuế về phương pháp tính thuế tài nguyên.

Tiền thuê đất

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 565.315,8 m² đất đang sử dụng tại thửa đất số 350, 351, tờ bản đồ số 71, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương với mức 1.173 VND/m² theo quy định tại Thông báo số 6409/TB-CT ngày 01 tháng 07 năm 2015 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	3.283.816.319	5.148.087.135
Phải trả người lao động theo hợp đồng thời vụ	-	-
Cộng	<u>3.283.816.319</u>	<u>5.148.087.135</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan		-
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác (10%)		-
Chi phí dịch vụ phải trả	1.322.153.334	1.448.551.443
Chi phí vật tư	928.073.991	928.073.991
Lương bổ sung	475.730.265	
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2020	6.172.588.203	5.491.000.251
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	246.884.054	983.418.873
Cộng	<u>9.145.429.847</u>	<u>8.851.044.558</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	103.042.929	171.022.035
Phải trả tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng	1.174.036.289	786.399.113
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	363.935.221	381.089.866
Cổ tức phải trả	58.003.000	58.003.000
Phải trả thù lao HĐQT	1.174.036.289	919.492.788
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	379.055.434	345.905.958
Cộng	<u>2.697.333.999</u>	<u>2.661.912.760</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương	11.092.986.748	19.349.830.107
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	77.137.244.188	23.731.694.628
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển VN - Chi nhánh Tây Hồ	67.300.511.510	42.726.312.368
Cộng	<u>155.530.742.446</u>	<u>85.807.837.103</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển VN - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.8).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	85.807.837.103	10.240.648.222
Số tiền vay phát sinh	82.705.830.549	11.660.600.672
Số tiền vay đã trả	(12.982.925.206)	(5.266.477.218)
Số cuối năm	<u>155.530.742.446</u>	<u>16.634.771.676</u>

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**20a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng bảo hành công trình thi công. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	53.449.316	53.449.316
Tăng do trích lập	-	-
Số hoàn nhập	-	-
Số cuối năm	<u>53.449.316</u>	<u>53.449.316</u>

20b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	10.364.280.362	-	-	10.364.280.362
Dự phòng khôi phục tài nguyên môi trường	2.043.572.400	967.691.527	-	3.011.263.927
Cộng	<u>12.407.852.762</u>	<u>967.691.527</u>	<u>-</u>	<u>13.375.544.289</u>

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	4.807.463.504	-	(3.910.054.145)	897.409.359
Quỹ phúc lợi	97.445.285	-	(53/700.000)	43.745.285
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	272.805.551	-	-	272.805.551
Cộng	<u>5.177.714.340</u>	<u>-</u>	<u>(3.963.754.145)</u>	<u>1.213.960.195</u>

Xem thuyết minh V.4a

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu Tư Bình Dương	24.900.000.000	24.900.000.000
Ông Hoàng Xuân Quang	24.800.000.000	24.800.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	23.667.040.000	23.667.040.000
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	9.992.000.000	9.992.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	-	-
Các cổ đông khác	16.640.960.000	16.640.960.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	25.595.842.988	25.831.566.281
Doanh thu thi công công trình	51.418.293.003	71.342.997.840
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	701.641.842	1.590.519.249
Doanh thu sản xuất đá	13.500.490.349	17.351.565.636
Cộng	91.216.268.182	116.116.649.006

2. Doanh thu với các bên liên quan

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Kinh Doanh & Đầu Tư Bình Dương	9.237.077.273	-
Công ty cổ phần Khoáng Sản Miền Đông AHP	7.818.967.861	8.320.000
Cộng	17.056.045.134	8.320.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản hàng bán bị trả lại.

4. Giá vốn hàng bán

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	17.359.162.262	19.776.697.699
Giá vốn của thi công công trình	42.031.264.547	60.441.279.180
Giá vốn của dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	257.646.668	1.064.277.777
Giá vốn sản xuất đá	9.790.453.086	12.598.155.549
Cộng	69.438.526.563	93.880.410.205

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	42.882.191	540.726.049
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	25.441.781	5.629.723
Lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường		149.596.950
Cộng	68.323.972	695.952.722

6. Chi phí tài chính

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.011.842.756	234.610.145
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác		-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính		-
Cộng	2.011.842.756	234.610.145

7. Chi phí bán hàng

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	663.440.454	838.079.611
Chi phí vật liệu, bao bì	35.085.994	283.836.907
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.028.180	637.328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.169.885	41.169.885
Chi phí vận chuyển	57.085.135	581.414.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.913.808.153	1.712.669.058
Các chi phí khác	21.840.126	172.554.779
Cộng	3.733.457.927	3.630.361.818

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.038.095.787	3.803.503.426
Chi phí vật liệu quản lý	110.325.502	21.056.581
Chi phí đồ dùng văn phòng		38.628.370
Chi phí khấu hao tài sản cố định	325.440.493	352.653.911
Thuế, phí và lệ phí		10.341.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	911.048.511	1.040.528.246
Các chi phí khác	889.138.717	737.116.468
Cộng	6.274.049.010	6.003.828.002

9. Thu nhập khác

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán điện	72.655.425	56.956.221
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình		2.631.588
Thu nhập khác	116.032.349	-
Cộng	188.687.774	59.587.809

10. Chi phí khác

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn tiền điện	69.381.325	56.956.221
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		-
Chi phí thanh lý TSCĐ		-
Chi phí khác	3.281.645	24.860
Cộng	72.662.970	56.981.081

11. Lãi trên cổ phiếu**11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	7.634.238.437	9.738.798.966
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	(1.506.615.078)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7.634.238.437	8.232.183.888
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	763	823

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.034.171.247	40.913.988.459
Chi phí nhân công	10.843.545.643	10.852.141.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.470.325.327	2.069.345.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.282.830.517	20.098.402.081
Chi phí khác	2.156.382.713	2.602.277.732
Cộng	100.787.255.447	76.536.154.573

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ngày 09 tháng 10 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định số 2609/QĐ-UBND, thay thế Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá xây dựng cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex – Công ty con. Theo đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex phải nộp cho trữ lượng khoáng sản đã khai thác trước đây từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.122.769.899 VND (tăng 3.249.106.819 VND so với Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014).

Ngày 20 tháng 01 năm 2014 Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex cùng các công ty khai thác khoáng sản tỉnh Bình Dương đã gửi văn bản đến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị không truy thu tiền cấp quyền khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã ban hành Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09 tháng 7 năm 2014 về hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, quyết định chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do vậy, Tập đoàn chưa ghi nhận tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 12 tháng 9 năm 2014, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo, kiến nghị lên Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, miễn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác trong giai đoạn trên. Hiện tại, Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn chưa có quyết định chính thức về việc này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương		
Hội Đồng quản trị	270.738.400	-
Ban Tổng giám đốc	734.041.244	724.377.203
Tiền thưởng		
Hội Đồng quản trị	133.980.000	-
Ban Tổng giám đốc	352.886.984	482.228.351
Thù lao		
Hội Đồng quản trị	-	-
Ban Kiểm soát	-	-
Cộng	1.491.646.628	1.206.605.554

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	Công ty con
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu Tư Bình Dương	Cổ đông lớn
Ông Hoàng Xuân Quang	Cổ đông lớn

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.
- Lĩnh vực sản xuất đá: đá dùng trong xây dựng thi công công trình.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu ở miền Nam Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng



Võ Thành Tài
Phó Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	59.025.255.288	34.841.679.929	27.528.983.025	231.978.573.373
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	9.738.798.966	604.532.480	10.343.331.446
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(1.506.615.078)	(121.210.027)	(1.627.825.105)
Số dư cuối kỳ trước	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	59.025.255.288	43.073.863.817	28.012.305.478	240.694.079.714
Số dư đầu kỳ này	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	61.147.235.261	48.699.668.994	28.153.280.116	248.582.839.502
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	7.634.238.436	302.348.450	7.936.586.886
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	61.147.235.261	56.333.907.429	28.455.628.566	256.519.426.387

Đơn vị tính: VND

Bình Dương, ngày 27 tháng 04 năm 2020



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng



(Handwritten signature)
Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

Võ Thành Tài
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất đá	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.571.605.588	51.418.293.003	701.287.842	13.500.490.349	-	91.191.676.782
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	(7.818.967.861)	2.513.825.440	5.305.142.421	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.571.605.588	51.418.293.003	(7.117.680.019)	16.014.315.789	5.305.142.421	91.191.676.782
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.212.443.326	11.204.289.026	443.641.174	1.892.776.693	-	21.753.150.219
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(10.007.506.937)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	68.323.972
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(2.011.842.756)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	188.687.774
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(72.662.970)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(1.981.562.416)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	7.936.586.886
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	814.752.000	-	24.633.684.813	-	25.448.436.813
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	373.739.246	702.288.471	-	1.478.986.930	-	2.555.014.647
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất đá	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.831.566.281	71.342.997.840	1.598.840.149	17.343.244.736	-	116.116.649.006
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	635.604.405	(635.604.405)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.831.566.281	71.342.997.840	1.598.840.149	17.978.849.141	(635.604.405)	116.116.649.006
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.360.280.087	10.900.425.704	534.562.372	4.745.089.187	-	21.540.357.350
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(8.938.308.369)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	12.602.048.981
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	695.952.722
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(234.610.145)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	59.587.809
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(56.981.081)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(2.722.666.840)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.360.280.087	10.900.425.704	534.562.372	4.745.089.187	-	10.343.331.446
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	465.961.491	663.528.958	-	922.990.681	-	2.052.481.130
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất đá	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	54.240.717.950	237.555.290.142	1.983.821.791	166.731.630.315	(84.813.031.759)	375.698.428.439
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						180.604.952.214
<i>Tổng tài sản</i>						<u>556.303.380.653</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	73.510.194.237	101.962.132.697	11.902.581	63.955.105.957	(23.460.374.764)	215.978.960.708
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						83.804.993.557
<i>Tổng nợ phải trả</i>						<u>299.783.954.265</u>
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	34.698.411.979	0	211.895.536.859	158.537.825.312	(73.760.591.515)	331.415.812.980
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						165.604.202.830
<i>Tổng tài sản</i>						<u>497.020.015.810</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	19.473.909.417	73.650.546.578	1.334.040	55.969.652.436	(14.640.972.868)	134.454.469.603
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						113.982.706.705
<i>Tổng nợ phải trả</i>						<u>248.437.176.308</u>

Bình Dương, ngày 27 tháng 04 năm 2020



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng



Vân Thị Anh Đào
Người lập biểu

Võ Thành Tài
Phó Tổng Giám đốc